

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2021/DSST

Ngày: 11/6/2021

V/v: “ *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T THÀNH PHỐ H**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Diễm, thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 285/2020/TLST- DS ngày 20 tháng 10 năm 2020, về việc :“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2021/QĐST-DS ngày 21/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông B, sinh năm 1980

Địa chỉ : 2789 TH, Phường B, Quận T, Thành phố H

(Có mặt)

Bị đơn: Ông D, sinh năm 1978

Địa chỉ: 2682B TH, Phường B, Quận T, Thành phố H (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1985

Địa chỉ : 2682B TH, Phường B, Quận T, Thành phố H

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông B trình bày: Ông B có cho ông D vay số tiền 718.815.000 đồng vào ngày 19/4/2020 thời hạn vay là 5 tháng, lãi suất 1,666%/tháng, trả hàng tháng. Nếu quá thời hạn vay mà ông D không trả hết nợ thì ông D phải trả lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Theo hợp đồng ông D phải trả cho ông B tiền lãi hàng tháng và trả hết vốn vào ngày 19/9/2020 nhưng ông D đến hạn cũng không trả vốn và lãi. Ông B đã thông báo đòi nợ và ông D cũng chỉ hứa mà không trả tiền cho ông B. Ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông D phải trả ngay cho ông B số tiền tổng cộng là 808.666.516 đồng trong đó tiền vốn là 718.815.000 đồng, tiền lãi là 89.851.516 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng cho đến khi trả xong nợ. Tại phiên tòa ông B yêu cầu ông D trả lãi quá hạn bằng với lãi suất trong hạn. Tính đến ngày 11/6/2021 ông D phải trả cho ông B số tiền 883.677.137 đồng trong đó tiền vốn là 718.815.000 đồng, tiền lãi là 164.862.137 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông B không yêu cầu vợ ông D cùng liên đới trả nợ.

Bị đơn ông D vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 13/11/2020 trình bày: Ông D thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn và đồng ý trả tiền cho nguyên đơn như nguyên đơn yêu cầu. Do hiện nay ông D đang có khó khăn về kinh tế nên chưa có tiền trả ngay cho ông B. Số tiền này ông D vay sử dụng cho nhu cầu cá nhân nên ông D đề nghị không đưa vợ ông vào tham gia tố tụng và ông D cũng không yêu cầu vợ cùng trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trần Thị Ngọc P là vợ ông D vắng mặt nên không thu được lời khai cũng như không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận T thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn tuân thủ pháp luật, không vi phạm Tố tụng. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông D trả ông B số tiền 883.677.137 đồng trong đó tiền vốn là 718.815.000 đồng, tiền lãi là 164.862.137 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của ông B thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại Quận T, Thành phố H, nên theo qui định của các Điều 26; Điều 35 và Điều

39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố H.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà P đã được tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Bị đơn ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà P đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông D và bà P.

[3]. Về các yêu cầu của các đương sự:

Xét ông B và ông D có ký hợp đồng vay tài sản số tiền 718.815.000 đồng vào ngày 19/4/2020, thời hạn vay là 5 tháng, lãi suất 1,666%/tháng, trả hàng tháng. Nếu quá thời hạn vay mà ông D không trả hết nợ thì ông D phải trả lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Xét thỏa thuận lãi suất 1,666%/ tháng tức 19,992%/ năm phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Từ tháng 19/9/2020 đến tháng 11/6/2021 là 8 tháng 23 ngày tuy hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng 150% lãi trong hạn nhưng đã vượt quá 20% theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chỉ chấp nhận thỏa thuận trả lãi quá hạn là 20%/ năm. Ông D đã thừa nhận có vay tiền và đồng ý trả tiền vốn và lãi đúng như nguyên đơn yêu cầu. Tại phiên tòa ông B chỉ yêu cầu tính lãi quá hạn bằng với lãi suất trong hạn là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận. Như vậy từ ngày 19/4/2020 đến ngày 11/6/2021 là 13 tháng 23 ngày ông D phải trả lãi suất 1,666%/tháng trên tiền vốn 718.815.000 đồng. Tổng cộng số tiền lãi ông D phải trả cho ông B là 164.862.137 đồng. Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 qui định: “ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn” nên buộc ông D phải thanh toán cho ông B số tiền 883.677.137 đồng trong đó tiền vốn là 718.815.000 đồng, tiền lãi là 164.862.137 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông B không yêu cầu vợ ông D là bà P phải liên đới trả nợ, giấy nợ ngày 19/4/2020 chỉ một mình ông D viết không có xác nhận của bà P, bản thân ông D cũng xác định bà P không biết gì về số tiền này và cũng không yêu cầu bà P phải cùng ông trả nợ nên căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không buộc bà P phải liên đới cùng ông D trả nợ cho ông B.

Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án cần áp dụng Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong thời gian chưa thi hành án tính từ thời điểm có đơn yêu cầu Thi hành án của bên được thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm :

Xét yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn; Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 , Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 357 , Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông B:

Buộc ông D thanh toán cho ông B số tiền 883.677.137 (Tám trăm tám mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm ba mươi bảy) đồng trong đó tiền vốn là 718.815.000 đồng, tiền lãi là 164.862.137 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực Pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu ông D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng ông D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.501.314 (Ba mươi tám triệu năm trăm lẻ một ngàn ba trăm mười bốn) đồng.

Ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.376.300 (Mười sáu triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn ba trăm) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0044422 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T Thành phố H.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.H;
- VKSND QT;
- THADS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (...)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thúy Hòa

